

Class1 Preview 27 Aug

	Chinese Character	Pinyin	Meaning
1	新	xīn	new
2	生词	shēngcí	vocabulary
3	写	xiě	write
4	听	tīng	hear
5	汉字	hànzì	Chinese characters
6	拼音	pīnyīn	pinyin
7	句子	jùzi	sentence
8	语法	yǔfǎ	grammar
9	难	nán	hard
10	容易	róngyì	easy
11	练习	liànxí	practice
12	预习	yùxí	preview
13	复习	fùxí	review
14	太阳	tàiyáng	sun
15	晴天	qíngtiān	sunny day
16	阴天	yīntiān	overcast day
17	多云	duōyún	cloudy day
18	台风	táifēng	typhoon
19	下雨	xià yǔ	rainy day

20	下雪	xiàxuě	snowy day
21	暖和	nuǎnhuo	warm
22	冷	lěng	cold
23	凉快	liángkuài	cool
24	热	rè	hot